

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2025
V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương;

2. Ông Võ Thành Dương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 169/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Phan Kim T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp C, xã G, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Phan Kim T trình bày:*

Chị và anh N chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 31/05/2007. Quá trình chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N có quan hệ tình cảm với người khác, hai bên có ngồi lại nói chuyện nhưng không thành, chị và anh N đã ly thân đầu tháng 7/2025 đến nay, nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh N vì anh N đã phạm lỗi mà chị không thể tha thứ được.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Lê Phan Trúc Q, sinh năm 2007; Lê Phan Quỳnh N1, sinh năm 2013; Lê Chí C, sinh năm 2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Văn N có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T xin ly hôn với anh N, yêu cầu nuôi con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau từ năm 2005, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã G, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42/HT, Quyền số 01/2017 ngày 31/05/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh N có quan hệ tình cảm với người khác, hai bên có ngồi lại nói chuyện nhưng không thành, chị và anh N đã ly thân đầu tháng 7/2025 đến nay, nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết, anh N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh N không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh N không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh N đã có thời gian ly thân với nhau nhưng anh chị đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh N.

[4.2] Về con chung: Có 03 người con chung tên Lê Phan Trúc Q, sinh năm 2007; Lê Phan Quỳnh N1, sinh năm 2013; Lê Chí C, sinh năm 2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại các con chung là cháu Q, cháu N1, cháu C đang sống cùng với chị T; trong quá trình giải quyết vụ án anh N cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung và 03 người con chung đều có nguyện vọng sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn; Qua xác minh tại địa phương thì anh N, chị T đều có việc làm, có thu nhập để nuôi con nhưng để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho 03 người con chung nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Lê Phan Trúc Q, Lê Phan Huỳnh N2 và Lê Chí C cho chị Phan Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh N không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Kim T.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Kim T được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Chị Phan Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con chung tên Lê Phan Trúc Q, sinh năm 2007; Lê Phan Quỳnh N1, sinh năm 2013; Lê Chí C, sinh năm 2015. Anh Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phan Kim T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị Phan Kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001005 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã Gò Công Đông;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo